TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ GẠO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **271/**2025/HNGĐ-ST;
Ngày: 05/6/2025.
V/v tranh chấp"Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thủy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Thanh Phong;

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 104/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Toà án nhân dân huyện Chợ Gạo, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 2002;

Địa chỉ: ấp AQ, xã ATT, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

**Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1998;

Địa chỉ: ấp ĐPT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

(*Chị T có đơn đề nghị vắng mặt, anh Đ vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh Đ tự nguyện cưới nhau vào năm 2022 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 112/2023/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo ngày 30/9/2023. Đến ngày 04/7/2024 anh chị đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Đăng

Hưng Phước. Sau khi chị T sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành công nên không còn sống chung từ tháng 7/2024. Nay không còn tình cảm nên chị xin ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2024 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu T1, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.500.000 đồng.

Tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng là vàng cưới gồm 01 sợi dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 01 chiếc kiềng 04 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tai 01 chỉ vàng 24k và 01 cặp vòng tay 04 chỉ vàng 24k, tổng giá trị vàng là 130.880.000 đồng hiện do anh Đ giữ. Khi ly hôn, chị yêu cầu chia đôi vàng cưới, chị nhận giá trị với số tiền là 65.440.000 đồng. Ngày 28/4/2025 chị T có nộp Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Thanh Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn. Giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn do anh không yêu thương chăm sóc vợ con, anh chị đã không còn sống chung từ tháng 7/2024. Anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2024 hiện đang sống với chị T. Trong trường hợp ly hôn, anh đồng ý để vợ nuôi con, anh có nhiêu cho nhiêu chứ anh không có khả năng cấp dưỡng hàng tháng như chị T yêu cầu.

Tài sản chung: Anh chị có tài sản chung là vàng cưới gồm dây chuyền, kiềng, đôi bông tai và vòng tay, còn trọng lượng bao nhiêu và loại vàng gì thì anh không nhớ rõ. Sau khi anh chị ly hôn vào tháng 9/2023 thì chị T đã trả toàn bộ vàng cưới cho anh cất giữ. Sau khi đăng ký kết hôn lại thì anh không có đưa vàng cưới lại cho chị T giữ. Hiện nay vàng cưới không còn nữa, do anh bị tai nạn giao thông, cần phẫu thuật nên đã bán toàn bộ vàng cưới để lo chuyện phẫu thuật. Lúc anh bán vàng không có nói với vợ. Vàng cưới không còn nên anh không đồng ý chia tài sản chung theo yêu cầu của chị T.

Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, trừ bị đơn không chấp hành đúng quy định.*

Về nội dung, yêu cầu của chị Lê Thị Thanh T về việc xin ly hôn, yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Nguyên đơn chị T có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị

Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn. Nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đ cư trú tại ấp ĐPT, xã ĐHP, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt chị T và anh Đ.

[3] Ngày 28/4/2025 chị T nộp Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết trong một vụ án khác.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T và anh Nguyễn Thanh Đ tự nguyện cưới nhau vào năm 2022 nhưng đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 112/2023/QĐCNTTLH của Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo ngày 30/9/2023. Đến ngày 04/7/2024 anh chị đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Đăng Hưng Phước, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T xin ly hôn với anh Đ với lý do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Đ không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh chị nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành công nên không còn sống chung từ tháng 7/2024. Anh Đ thừa nhận giữa anh chị có mâu thuẫn như chị T trình bày nên anh chị không còn sống chung từ tháng 7/2024. Anh còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đưa ra được biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2024. Xét thấy cháu T1 chỉ hơn 10 tháng tuổi, đang sống với chị T đã ổn định về chỗ ở và điều kiện sinh hoạt. Tại phiên hòa giải ngày 10/4/2025 anh Đ cũng đồng ý để chị T nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu T1 cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu T1 mỗi tháng 2.500.000 đồng. Anh Đ không đồng ý với mức cấp dưỡng mà chị T yêu cầu. Xét thấy nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm của người không trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng là phù hợp với nhu cầu thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

[4.3] Nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Xét ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thanh T.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Thanh T được ly hôn với anh Nguyễn Thanh Đ.

Về con chung: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Lê Cẩm T1, sinh ngày 16/7/2024 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Trường hợp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Lê Cẩm T1 mỗi tháng 2.500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Đ chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Lê Thị Thanh T.

Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết lại theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được trừ vào số tiền 1.936.000 đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0008622 và 0008623 cùng ngày 13/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, nên hoàn lại cho chị T số tiền 1.636.000 đồng.

Anh Nguyễn Thanh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- CQ thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phan Thủy Uyên